

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HC-ST
Ngày 30/8/2018
V/v khiếu kiện hành vi
hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vương Minh Tân
2. Ông Trần Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 26 đến 31 tháng 7 năm 2018 và ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-HC ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc Kiện hành vi hành chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Ông **Nguyễn H**, sinh ngày 22/12/1957

Địa chỉ: Số nhà 169, tổ 10, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt

* Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân phường T**

Địa chỉ: Tổ 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Q - Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng V - Phó chủ tịch.

Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố Q

Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng N - Chủ tịch
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Th - Trưởng phòng nội vụ thành phố Q. Có mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố Q

Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm T - Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng X - Phó giám đốc.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các biên bản đối thoại, người khởi kiện là ông Nguyễn H trình bày như sau:***

Ông Nguyễn H là công chức (cán bộ địa chính, xây dựng) thuộc Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Q (nay là UBND phường T, thành phố Q) từ năm 1986. Ông H đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 03/6/1986 đến ngày 09/7/2004 thì bị UBND phường T đình chỉ chức vụ uỷ viên UBND phường và công tác địa chính, xây dựng mà không có văn bản quyết định nào (đây là lần thứ nhất UBND phường T đình chỉ công tác).

Đến ngày 25/7/2004, ông H lại được UBND phường T bàn giao tài liệu để tiếp tục làm việc. Nhưng đến ngày 25/9/2004 (sau 02 tháng trở lại làm việc) UBND phường T lại yêu cầu ông H bàn giao công việc và đình chỉ công việc của ông H mà không có văn bản quyết định nào (Đây là lần thứ hai ông H bị đình chỉ công tác).

Sau khi bị nghỉ công tác mà không có lý do, ông H đã trực tiếp gặp và gửi rất nhiều đơn tới UBND phường T và UBND thị xã Q (nay là thành phố Q) với 2 nội dung là tại sao ông lại phải bàn giao lại công việc và ông bị cho thôi việc theo quyết định nào nhưng không được giải quyết cụ thể (khoảng 200 đơn).

Sau nhiều lần gửi đơn nhưng không được giải quyết dứt điểm nên năm 2015 ông H đã làm đơn khởi kiện vụ án lao động đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Trong quá trình giải quyết vụ án lao động, ông H đã rút đơn khởi kiện vì đến tháng 5 năm 2017 ông H mới được biết về Văn bản số 635/UB-TCCB ngày 02/8/2004 của Ủy ban nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q) có nội dung:

“UBND thị xã giao cho UBND xã T bố trí cán bộ như sau:

Ông Nguyễn H thôi đảm nhiệm chức danh cán bộ địa chính xã T và bàn giao toàn bộ hồ sơ tài liệu công tác đang làm cho Chủ tịch UBND xã T. UBND xã T có trách nhiệm xem xét nguyện vọng của ông Nguyễn H có thể bố trí công tác khác cho phù hợp hoặc cho nghỉ chế độ theo quy định. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã T tổ chức thực hiện báo cáo UBND thị xã trước ngày 10/8/2004”.

Căn cứ vào văn bản này ông H thấy hành vi của UBND phường T cho ông nghỉ việc mà không có văn bản gì và không thực hiện đúng nội dung văn bản số 635

của UBND thành phố đối với ông là trái quy định của pháp luật. Do vậy, ông làm khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án giải quyết:

- Xác định hành vi hành chính của UBND phường T cho ông nghỉ việc không có quyết định là trái quy định của pháp luật.

- Bồi thường tiền lương và các khoản phụ cấp theo đề xuất số 52 ngày 04/8/2016 của Phòng nội vụ thành phố Q, văn bản số 1361 ngày 23/9/2016 của UBND thành phố Q, biên bản làm việc ngày 05/10/2016 của Đảng uỷ, UBND phường T và theo Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, cụ thể mức bồi thường như sau:

1. Tiền lương tính từ tháng 10/2004 đến tháng 12/2017, cụ thể:
 $159 \text{ tháng} \times 2,46 \times 1.300.000 \text{ đồng/tháng} = 508.482.000 \text{ đồng}.$
2. Bảo hiểm xã hội tính theo mức lương của Nghị định 204 ngày 14/12/2004:
 $75.267.893 \text{ đồng} - 21.980.354 \text{ đồng (cá nhân phải nộp)} = 53.287.539 \text{ đồng}.$
3. Bảo hiểm y tế theo hộ gia đình: $653.400 \text{ đồng/năm} \times 13 \text{ năm} = 8.499.200 \text{ đồng}.$
4. Bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khoẻ bị xâm phạm theo Điều 590 Bộ luật dân sự bằng 50 lần mức lương cơ sở: $1.300.000 \text{ đồng} \times 50 = 65.000.000 \text{ đồng}.$
5. Bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm theo Điều 592 Bộ luật dân sự bằng 10 lần mức lương cơ sở: $1.300.000 \text{ đồng} \times 10 = 13.000.000 \text{ đồng}.$
6. Hỗ trợ theo Điều 42 Luật lao động, mỗi năm mất việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở: $13 \text{ năm} \times (6,5 \text{ tháng} \times 1.300.000 \text{ đồng}) = 8.450.000 \text{ đồng}.$

7. Bồi thường thiệt hại do chi phí khác:

- Tiền thuê đánh máy: 18.000.000 đồng

- Ngày công chuyển đơn và làm việc với các cấp: 29.072.000 đồng

Tổng cộng tất cả các khoản là **703.785.739 đồng** (*Bảy trăm linh ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng*).

- Yêu cầu giải quyết chế độ chính sách cho ông nghỉ hưu sau khi hết tuổi lao động và khôi phục danh sự theo Điều 51 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại phiên đối thoại ngày 27/3/2018, ông Nguyễn H không yêu cầu Toà án giải quyết về khoản tiền Hỗ trợ theo Điều 42 Luật lao động (số tiền 8.450.000 đồng). Và ông H bổ sung về lý do nghỉ việc như sau: Trong thời gian ông H công tác có 01 văn bản về việc bắt buộc tỉ lệ đại học, cao đẳng trong cán bộ công chức phường nên việc UBND phường cho ông H bàn giao công việc địa chính, ông H có thể chấp nhận nhưng phải bố trí lại công việc cho ông. Vì ông H không làm gì sai để phải cho thôi việc. Sau đó ông H cũng có viết đơn xin nghỉ chế độ nhưng không được giải quyết.

Tại buổi làm việc ngày 13 tháng 6 năm 2018, ông H trình bày về các căn cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại như sau:

- Về giấy tờ mua bảo hiểm y tế theo hộ gia đình: Trong thời gian ông H bị nghỉ việc ông H đã phải mua bảo hiểm y tế tự nguyện, ông H có thẻ và sổ bảo hiểm

tự nguyện mua theo từng năm. Do thời gian 02 năm nay ông H không mua nữa vì ông H có chế độ của người có công với cách mạng nên các giấy tờ trước đó ông H không còn lưu giữ. Nhưng trong văn bản 1361 ngày 23/9/2016 và đề xuất số 52 năm 2016, biên bản làm việc của UBND phường T năm 2016 đều đề nghị trả cho ông tiền bảo hiểm y tế này.

- Đối với tài liệu chứng minh về thiệt hại sức khỏe, chi phí khác: Về giấy tờ khám chữa bệnh, ông H có khám bệnh, chữa bệnh và có bệnh án rất nhiều, ngoài ra ông H khám chữa bệnh tự nguyện cũng nhiều nhưng do thời gian lâu ngày ông H không lưu giữ hết được giấy tờ. Còn các khoản tiền thuê đánh máy, chuyên đơn thư cũng nhiều nhưng mỗi lần thực hiện số tiền không lớn nên ông H không lấy xác nhận.

- Về cách tính tiền lương yêu cầu bồi thường, ông H chỉ tính gộp 01 mức 2,46 theo văn bản của UBND thành phố và biên bản làm việc giữa UBND phường T với các cơ quan vào năm 2016, ông H không tính theo thời điểm và tính từ ngày ông H nghỉ việc (tháng 10 năm 2004) đến tháng 6 năm 2018.

- Về cách tính chế độ bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu, ông H tính theo Quyết định năm 2004 với mức lương 1,78 và thời gian tính từ ngày ông H nghỉ việc đến khi ông H đủ tuổi nghỉ chế độ hưu.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện (UBND phường T) trình bày:***

Ông Nguyễn H là cán bộ địa chính công tác tại Ủy ban nhân dân phường T nhưng thuộc quản lý của UBND thành phố Q. UBND phường T chỉ là nơi sử dụng cán bộ. Còn việc quyết định tuyển dụng cũng như cho ông H thôi việc không thuộc thẩm quyền của UBND phường T.

UBND phường T căn cứ vào Văn bản của UBND thành phố Q có nội dung về việc cho ông Nguyễn H thôi đảm nhiệm chức danh cán bộ địa chính xã T (nay là phường T) và bàn giao toàn bộ hồ sơ tài liệu công tác đang làm cho Chủ tịch UBND phường T. UBND phường T có trách nhiệm xem xét nguyện vọng của ông Nguyễn H có thể bố trí công tác khác cho phù hợp hoặc cho nghỉ chế độ theo quy định.

Dựa trên văn bản này UBND phường H đã yêu cầu ông H bàn giao công việc địa chính, nhưng chưa tìm được công việc phù hợp. Sau đó UBND phường T có văn bản gửi UBND thành phố Q với nội dung: Cán bộ địa chính hiện nay là Ông Nguyễn H chưa có bằng cấp chuyên môn theo quy định bố trí cho nghỉ. Đề nghị UBND thị xã (nay là thành phố) xem xét điều động cán bộ có chuyên môn về đảm nhiệm chức danh cán bộ địa chính xã (nay là phường).

Tuy nhiên trong thời gian sau đó thì UBND thành phố Q không có thêm văn bản nào về việc của ông H.

Về nguyên tắc, tại thời điểm hiện tại thì nghỉ việc phải có quyết định rõ ràng. Nhưng tại thời điểm trước thì việc nghỉ việc của ông H không được rõ ràng, dù việc

nghỉ việc của ông H là không có quyết định nhưng chúng tôi cũng không biết được việc nghỉ việc của ông H lúc đó là đúng hay sai cũng như về lý do ông H nghỉ việc.

Tại thời điểm đó, Ủy ban nhân dân phường T có cử ông H đi học Trung cấp địa chính. Việc ông H đi học lúc đó không có quyết định cử đi học như bây giờ vì quy định thời điểm đó cũng không chặt chẽ. Nhưng ông H đi học là có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân phường T.

Về việc ông H không đi làm nhưng vẫn được đóng bảo hiểm xã hội dù không có tên trong bảng lương của Ủy ban nhân dân phường T là vì lúc đó ông H vẫn chưa có quyết định cho thôi việc nên UBND phường đã đóng bảo hiểm cho ông H để ông H đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội để chốt sổ cho ông H. Nguồn đóng là ngân sách của Ủy ban nhân dân phường T.

Về yêu cầu bồi thường của ông H, đối với khoản tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, UBND phường T không có ý kiến gì. Còn về các yêu cầu bồi thường khác thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. UBND phường cũng muốn thỏa thuận bồi thường với ông H nhưng cần có quy định của pháp luật cho phù hợp. UBND phường có ý kiến về việc hoạch toán bồi thường cho ông H cũng không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường vì Ủy ban nhân dân phường T chỉ là người sử dụng lao động. Và ngoài ra Ủy ban nhân dân phường T cũng không có khả năng để bồi thường cho ông H. Việc bồi thường này thuộc thẩm quyền của người quản lý lao động là Ủy ban nhân dân thành phố Q.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Q trình bày:***

Ngày 02/8/2004 UBND thị xã Q (nay là thành phố Q) có văn bản số 635/UB-TCCB gửi cho UBND phường T về việc cho ông Nguyễn H thôi công tác địa chính, bố trí công việc khác phù hợp và cũng yêu cầu UBND phường T báo cáo sự việc của ông H. Nhưng đến năm 2006 trở đi thì lại không có tên ông H trong bảng lương.

Tại thời điểm từ năm 2005 đến năm 2007, Ủy ban nhân dân thành phố Q, Phòng Nội vụ-Lao động TB và XH đã có rất nhiều văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T làm rõ vụ việc để giải quyết đơn thư khiếu nại của ông H nhưng Ủy ban nhân dân phường T cũng chưa có văn bản báo cáo cụ thể. Việc giải quyết đơn thư và giải quyết chế độ chính sách của ông H cũng là do Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân thành phố Q tại thời điểm đó không giải quyết triệt để.

Ủy ban nhân dân thành phố Q nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường T và của ông H về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Q bồi thường thiệt hại cho ông H. Nhưng cụ thể mức bồi thường là bao nhiêu thì phải dựa trên quy định của pháp luật.

**** Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố Q trình bày:***

Với những yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H, cơ quan Bảo hiểm xã hội có ý kiến như sau:

- Về yêu cầu: Xác định hành vi hành chính của UBND phường T cho ông nghỉ việc không có quyết định là trái quy định của pháp luật, BHXH thành phố không có ý kiến gì vì việc này không liên quan đến cơ quan BHXH.

- Về yêu cầu:

+ Bồi thường tiền lương theo hệ số 2,46 là do ông H và Ủy ban nhân dân thỏa thuận hoặc Tòa án quyết định.

+ Bảo hiểm xã hội tính theo mức lương của Nghị định 204 ngày 14/12/2004. Nội dung này nằm trong yêu cầu khởi kiện thứ ba (giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu). Mức lương hưu được tính trên căn cứ bảo hiểm xã hội. Nếu theo yêu cầu của ông H thì bảo hiểm xã hội được tính ở hệ số lương 1,78.

+ Đối với bảo hiểm y tế: Thẻ bảo hiểm y tế sẽ phát sinh khi có chế độ hưu trí.

Về những yêu cầu còn lại như bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự nhân phẩm, chi phí khác do Tòa án quyết định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ và đối thoại, các đương sự đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã giao nộp đến Tòa án. Các đương sự đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ là lấy lời khai của những người làm chứng. Sau khi thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành đối thoại, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa từ ngày 26 đến ngày 31/7/2018, người khởi kiện là ông Nguyễn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Xác định hành vi của UBND phường T cho ông nghỉ việc không có quyết định là trái quy định của pháp luật” và ông H bổ sung thêm yêu cầu bồi thường thiệt hại như sau:

- Tiền lương: 159 tháng x (2,46 x 1.390.000đồng) = 543.684.600đồng

- Tiền bảo hiểm y tế theo hộ gia đình: 702.000đồng/năm x 13 năm = 9.126.000đồng.

- Tiền tổn thất về tinh thần, sức khỏe bị xâm phạm (theo Điều 27 Khoản 6 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước: (13 năm x 12 tháng x 22 ngày/tháng) x 63.181đồng = 216.837.192đồng.

- Tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm theo Điều 592 Bộ luật dân sự: 10 tháng lương x 1.390.000đồng = 13.900.000đồng.

- Tiền thuê đánh máy đơn: 200 lần đơn (mỗi lần 3 đơn) = 600 đơn x 3 trang/đơn x 10.000đồng/trang = 18.000.000đồng.

- Ngày công chuyển đơn và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền: 200 lượt đơn = 200 ngày công

1 ngày công = (2,46 x 1.390.000đồng)/22 ngày công = 155.427đồng.

200 công x 155.427 đồng = 31.085.400đồng.

Tổng cộng các khoản phải bồi thường là 832.633.192đồng.

Và giải quyết chế độ chính sách cho ông H nghỉ hưu, phục hồi danh dự nhân phẩm theo Điều 56 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Tại phiên toà, người bị kiện là UBND phường T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H với các lý do sau:

- Đối tượng khởi kiện không đúng vì UBND phường T chỉ là cơ quan sử dụng lao động, còn việc tuyển dụng, điều động, cho thôi việc thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Q.

- Sau khi nhận được Văn bản số 635/UB-TCCB ngày 02/8/2004 của UBND thị xã Q (nay là thành phố Q), UBND phường T đã có các báo cáo gửi đến UBND thành phố, cụ thể: Báo cáo số 62 ngày 17/9/2004; báo cáo số 36 ngày 20/7/2005; báo cáo số 39 ngày 22/7/2005; báo cáo số 65 ngày 28/11/2005; báo cáo số 71 ngày 12/12/2005. Sau đó UBND phường T không nhận được văn bản nào khác của UBND thành phố. Tại thời điểm này, UBND thành phố đã có Quyết định phân công ông D về làm cán bộ địa chính phường T, căn cứ vào định biên được phân bổ cho UBND phường thời điểm đó là 19 định biên thì việc bố trí công việc khác cho ông H không thể thực hiện được nên UBND phường đã báo cáo UBND thành phố. Do ông H chưa có quyết định nghỉ việc nên UBND phường vẫn đóng bảo hiểm xã hội cho ông H nhưng không có tên trong bảng lương vì thực tế ông H không đi làm và quỹ lương của UBND phường cũng không có. Chính vì lý do này, đến năm 2013 sau khi Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố kiểm tra đã thực hiện việc thoái trả khoản tiền này cho UBND phường T. Trong khoảng thời gian ông H bắt đầu nghỉ việc và thực hiện Văn bản của UBND thành phố, UBND phường cũng đã mời ông H đến làm việc, tại Biên bản làm việc ngày 21/12/2006 ông H cũng đề nghị UBND thành phố, UBND phường giải quyết cho nghỉ chế độ và ông H cũng có đơn xin nghỉ chế độ gửi UBND thành phố. Do vậy, UBND phường đã thực hiện đúng nhiệm vụ nên không chấp nhận một khoản bồi thường nào của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND thành phố Q) không đồng ý với ý kiến của UBND phường T với lý do:

- Tại thời điểm ông Nguyễn H nghỉ việc không có quyết định là đúng. Về nguyên tắc, UBND thành phố chưa có quyết định cho ông H nghỉ việc thì UBND phường T không được cho nghỉ và vẫn phải tiếp tục bố trí công việc cho ông H. Lúc đó định biên của UBND phường T chưa đủ (định biên là 19 nhưng thực tế làm việc là 18) nên có thể có 02 cán bộ địa chính vẫn được (theo Quyết định số 81 ngày 09/9/2005 của UBND tỉnh T). Việc này, UBND phường không báo cáo cụ thể lên UBND thành phố. Mặt khác, UBND phường cùng một lúc ban hành 02 văn bản số 62 ngày 17/9/2004, cụ thể: Văn bản gửi UBND thành phố có 01 nội dung về ông Nguyễn H *“Cán bộ địa chính hiện nay là ông Nguyễn H chưa có bằng cấp chuyên môn theo quy định bố trí cho nghỉ. Đề nghị UBND thị xã xem xét điều động cán bộ có chuyên môn về đảm nhiệm chức danh cán bộ địa chính xã.”*. Còn văn bản gửi đến Toà án lại có nội dung *“Cán bộ địa chính hiện nay là ông Nguyễn H chưa có bằng cấp chuyên môn theo quy định của Thị xã. Vậy đề nghị UBND thị xã xem xét điều động cán bộ chuyên môn có đủ bằng cấp ở trên xuống, và đề nghị UBND thị xã xem*

xét nguyện vọng của ông H, nếu đủ điều kiện chuyển ông H sang làm cán bộ Văn hoá- Xã hội của xã T”. Như vậy, UBND phường T đã thực hiện không đúng yêu cầu. Thời gian đó, UBND thành phố cũng có rất nhiều văn bản yêu cầu UBND phường T làm rõ việc giải quyết đơn thư khiếu nại của ông H nhưng UBND phường T cũng chưa có văn bản báo cáo cụ thể. Việc giải quyết đơn thư và giải quyết chế độ chính sách của ông H cũng là do Ủy ban nhân dân phường T không giải quyết triệt để. UBND phường đã thành lập Hội đồng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với ông H nhưng không có kết luận giải quyết. Như vậy, UBND phường T đã thực hiện không đúng Văn bản của UBND thành phố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm xã hội thành phố Q) không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên toà ngày 31/7/2018, HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên toà với lý do: Cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên toà theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 187 của Luật tổ tụng hành chính.

Sau khi xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, ngày 30/8/2018 HĐXX tiếp tục mở phiên toà. Tại phiên toà ông Nguyễn H yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất là tiền lương là 340.825.800 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu tám trăm hai năm nghìn tám trăm đồng*) và bồi thường tiền đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức tự nguyện, số tháng đóng bảo hiểm bằng số tháng mà Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Q đã thoái thu đối với UBND phường T (từ tháng 10/2004 đến tháng 12/2007 là 39 tháng) để ông H tự thực hiện các thủ tục với Cơ quan bảo hiểm xã hội về chế độ nghỉ hưu. Đối với các yêu cầu khác, ông H không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nữa.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến bổ sung và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng hành chính:

- Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 38 Luật tổ tụng hành chính; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 55, 56, 57, 58, 153 của Luật tổ tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về việc: Xác định hành vi hành chính của UBND phường T cho ông nghỉ việc không có quyết định là trái pháp luật.

+ Tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường T là trái pháp luật.

+ Buộc UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và bồi thường tiền đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức tự nguyện cho ông H.

+ Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn H đối với các khoản:

- Tiền mua bảo hiểm y tế theo hộ gia đình

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe

- Tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm

- Tiền công vận chuyển đơn và thuê đánh máy đơn thư.

- Khôi phục danh dự theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật:

[1.1] Về pháp luật tố tụng: Ngày 12/10/2017, ông Nguyễn H gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Ủy ban nhân dân phường T, có trụ sở tại Tổ 17, phường T, thành phố Q. Căn cứ Điều 31 của Luật tố tụng hành chính, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

[1.2] Về pháp luật nội dung: Ông Nguyễn H khởi kiện về hành vi hành chính của UBND phường T cho ông nghi việc không có quyết định là trái pháp luật, đồng thời ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính này gây ra. Căn cứ Điều 7 của Luật tố tụng hành chính thì các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về tố tụng dân sự được áp dụng để giải quyết.

Vụ án hành chính thụ lý ngày 14 tháng 12 năm 2017, đến ngày 13 tháng 6 năm 2018 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại thời điểm xét xử, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật (từ ngày 01/7/2018), song tại Điều 78 của Luật này quy định: “1. Các trường hợp yêu cầu bồi thường đã được cơ quan giải quyết bồi thường thụ lý trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì hành nhưng chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết thì tiếp tục áp dụng quy định Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 35/2009/QH12 để giải quyết”. Như vậy, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 được áp dụng để giải quyết trong vụ án này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Ông Nguyễn H yêu cầu: Xác định hành vi hành chính của UBND phường T cho ông nghi việc không có quyết định là trái quy định của pháp luật.

HĐXX thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ xác định ông Nguyễn H là cán bộ địa chính, uỷ viên UBND xã T (nay là phường T). Đến ngày 18/3/2006 UBND thị xã Q (nay là thành phố Q) có Quyết định số 452/QĐ-CT về việc thực hiện chế độ tiền lương theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003, quyết định: “Điều 1. Chuyển xếp lương đối với ông Nguyễn H - cán bộ xã T - thị xã Q.

Mức sinh hoạt phí đang hưởng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998; chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, Địa chính - Xây dựng 463.200đồng và phụ cấp tái cử 5% kể từ ngày 01/01/2003;

Chuyển xếp lương theo Nghị định 121/2003/NĐ-CP;

Chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, Địa chính - Xây dựng; hệ số 1,7 và phụ cấp tái cử 5% kể từ ngày 01/11/2003;

Chức danh Địa chính - Xây dựng; Hưởng hệ số 1,09 và bảo lưu chênh lệch hệ số 0,69 từ ngày 01/5/2004 đến ngày 30/9/2004.”

Căn cứ vào Quyết định trên và Nghị định 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính Phủ thì ông Nguyễn H được xác định là công chức cấp xã.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, UBND T và UBND thành phố Q đều xác nhận việc ông H nghỉ việc là không có quyết định. Nhưng UBND phường T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H vì cho rằng UBND phường đã thực hiện đúng công vụ được giao. Sau khi UBND thành phố có Văn bản số 635/UB-TCCB ngày 02/8/2004 gửi đến, UBND phường T đã có các báo cáo gửi đến UBND thành phố, cụ thể: Báo cáo số 62 ngày 17/9/2004; báo cáo số 36 ngày 20/7/2005; báo cáo số 39 ngày 22/7/2005; báo cáo số 65 ngày 28/11/2005; báo cáo số 71 ngày 12/12/2005. Sau những báo cáo này UBND phường không nhận được văn bản nào khác. Xét thấy trong các báo cáo trên, chỉ có văn bản số 62 có nội dung liên quan đến việc thực hiện Văn bản số 635, nhưng cùng một lúc UBND phường T đã ban hành 02 Văn bản số 62 có nội dung không giống nhau. Đến nay, UBND phường cũng không xác định được văn bản nào là văn bản chính thức vì hiện nay đều là những người mới đến công tác, còn người ký văn bản (ông Đ - Chủ tịch) đã chết. Như vậy, với trách nhiệm của cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ, khi thấy vướng mắc trong công tác tổ chức cán bộ thì UBND phường T phải có trách nhiệm báo cáo, đề xuất, xin ý kiến của cơ quan cấp trên là UBND thành phố Q để giải quyết dứt điểm nhưng UBND phường đã không thực hiện hết chức năng, nhiệm vụ của mình. Sau khi thấy có quyết định tuyển dụng cán bộ địa chính mới, nhưng không có quyết định giải quyết việc của ông H, ông H không đi làm và cũng không có tên trong bảng lương nhưng UBND phường vẫn thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội cho ông H là không đúng. Quá trình làm việc với ông H, ông H cũng có nguyện vọng xin nghỉ chế độ và tại thời điểm đó UBND phường cho rằng cũng không thể bố trí công việc khác cho ông H vì định biên của UBND phường không còn. Việc này không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường nhưng UBND phường cũng không có báo cáo lên UBND thành phố. Như vậy, hành vi của UBND phường đã thực hiện nhiệm vụ không đúng và cho ông H nghỉ việc không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền là hành vi hành chính trái pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H thuộc trường hợp bồi thường trong quá trình khởi kiện vụ án hành chính và thuộc lĩnh vực hoạt động quản lý hành chính. Vì vậy các văn bản hướng dẫn áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009 là Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010

của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCT ngày 14/12/2015 của Bộ tư pháp, Bộ tài chính, Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính. Đối chiếu với những văn bản trên thì ông H có quyền yêu cầu bồi thường về thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất theo quy định tại Điều 46 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009: *"1. Cá nhân, tổ chức có thu nhập mà xác định được thì được bồi thường theo thu nhập thực tế bị mất"*. Như vậy, hệ số lương trước khi ông H nghỉ việc là 1,78. Song trong quá trình giải quyết, UBND phường T và UBND thành phố đều thống nhất tính hệ số lương bồi thường cho ông H là 2,46 và ông H cũng đồng ý với hệ số này để tính lương. HĐXX thấy hệ số lương này là phù hợp nên chấp nhận. Và các bên cũng thống nhất về mức lương cơ sở để áp dụng là tính theo từng thời điểm từ ngày ông H nghỉ việc cho đến ngày ông H đủ tuổi nghỉ chế độ. Như vậy, yêu cầu bồi thường về thu nhập thực tế của ông H là có căn cứ chấp nhận, cần buộc UBND phường T phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất đối với ông Nguyễn H số tiền lương từ tháng 10 năm 2004 đến tháng 12 năm 2017 (là thời gian ông H đủ tuổi nghỉ chế độ) với tổng số là 159 tháng x mức tiền lương cơ sở theo từng thời điểm, tổng cộng là 340.825.800đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu tám trăm hai mươi năm nghìn tám trăm đồng*).

Đối với yêu cầu bồi thường tiền đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức tự nguyện, số tháng đóng bảo hiểm là 39 tháng để ông H tự thực hiện các thủ tục với Cơ quan bảo hiểm xã hội về chế độ nghỉ hưu có căn cứ chấp nhận.

Đối với các yêu cầu khác (gồm bồi thường tiền mua bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe; tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm; tiền công vận chuyển đơn và thuê đánh máy đơn thư; Khôi phục danh dự theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017), ông H đã rút yêu cầu nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

[3]. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

UBND phường T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 204 của Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 7; 29; 31; 116; 164; khoản 2 Điều 173; các Điều 194; 204; 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 7; 13; 24; 25; 46 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009; Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BTP-BTC-TTCTP ngày 14/12/2015 của Bộ tư pháp, Bộ tài chính, thanh tra chính phủ hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H về việc: Xác định hành vi hành chính của UBND phường T cho ông Nguyễn H nghỉ việc không có quyết định là trái pháp luật.

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND phường T là trái pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn H về việc bồi thường thiệt hại như sau:

- Buộc UBND phường T bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất cho ông Nguyễn H số tiền 340.825.800đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu tám trăm hai mươi năm nghìn tám trăm đồng*).

- Buộc UBND phường T bồi thường số tiền đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức tự nguyện cho ông Nguyễn H 33.170.883đồng (*Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm tám mươi ba đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn H đối với các khoản:

- Tiền mua bảo hiểm y tế theo hộ gia đình

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe

- Tiền bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm

- Tiền công vận chuyển đơn và thuê đánh máy đơn thư.

- Khôi phục danh dự theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

4. Về án phí: UBND phường T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm và 18.699.800đồng (*Mười tám triệu sáu trăm chín chín nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án hành chính.

Ông Nguyễn H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0005010 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP T/Quang;
- TAND tỉnh T/Quang;
- THADS TP T/Quang;
- Lưu HSVÀ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương Giang